

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”, Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về “Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025”, công tác xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh bước đầu đạt được những kết quả quan trọng.

Các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công. Kinh tế số từng bước hình thành, đóng góp tích cực vào sự phát triển của tỉnh. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, kinh doanh, truyền thông, giáo dục, đào tạo, phòng, chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, báo chí,... ngày càng mạnh. Tỉnh Quảng Bình xếp thứ 42/63 tỉnh, thành phố về chỉ số sẵn sàng cho phát triển thông tin và truyền thông Việt Nam năm 2020 (tăng 9 bậc so với năm 2019), trong đó: Hạ tầng kỹ thuật xếp thứ 46/63, hạ tầng nhân lực xếp thứ 36/63, ứng dụng công nghệ thông tin xếp thứ 49/63. Tỉnh đang từng bước xây dựng và đẩy mạnh triển khai các ứng dụng số để phục vụ, nâng cao chất lượng đời sống người dân.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh vẫn còn không ít hạn chế, một số nội dung chưa đạt yêu cầu. Hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tại nhiều cơ quan, địa phương chưa được quan tâm đầu tư. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số cơ bản đang ở bước tin học hóa, chưa có sự chuyển đổi mạnh mẽ để tạo ra giá trị mới có tác động mang tính đột phá đến cải cách hành chính, công vụ. Tài nguyên dữ liệu số chưa quan tâm phát triển, nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được thường xuyên làm mới, kết nối, chia sẻ để khai thác phục vụ quản lý, điều hành, giải quyết công việc và cung

cấp dịch vụ công. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, đấu tranh với tội phạm trên không gian mạng còn nhiều khó khăn, thách thức.

Chính sách phát triển các nguồn lực nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trên các trụ cột kinh tế số, xã hội số chưa rõ nét. Phần lớn các doanh nghiệp chưa chủ động trong việc tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh. Thương mại điện tử còn ở mức độ khiêm tốn, thiếu yếu tố “dẫn dắt” phát triển. Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp về công nghệ còn hạn chế. Các dịch vụ đô thị thông minh chưa nhiều, mức độ lan tỏa chưa cao. Một số tiện ích thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp đã được triển khai nhưng hiệu suất sử dụng còn thấp, chưa đáp ứng kỳ vọng...

Những hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số chưa đồng đều, đầy đủ, toàn diện. Tư duy đổi mới và hành động trong thiết kế lại mô hình, tối ưu quy trình nghiệp vụ và trong áp dụng công nghệ, dữ liệu số để phục vụ quản lý, điều hành, giải quyết công việc đang trong quá trình hình thành, chưa đồng bộ và phát huy hiệu quả. Nguồn lực đầu tư cho ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, công nghệ số còn hạn chế, chưa tương xứng và đáp ứng yêu cầu.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Chuyển đổi số trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là xu thế tất yếu nhằm đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; quản lý, điều hành của chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phương thức, lối sống, làm việc của người dân; phát triển môi trường số văn minh, an toàn, rộng khắp, bao trùm; cơ hội giải quyết các điểm nghẽn; tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa Quảng Bình trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Bắc Trung Bộ.

Trong chuyển đổi số cần thống nhất: Nhận thức đóng vai trò quyết định; người dân và doanh nghiệp là trung tâm; cơ chế, chính sách và công nghệ là động lực; phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là phần gắn kết xuyên suốt, duy trì tính bền vững; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp, hành động đồng bộ ở các cấp, các ngành là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp, nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống người dân; bảo đảm an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

Tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng điểm; kế thừa thành tựu phát triển công nghệ, ứng dụng và dữ liệu số đã có, đi đôi với đổi mới sáng

tạo; lựa chọn những giải pháp tối ưu để triển khai nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, con người, văn hóa của tỉnh.

Tập trung huy động, khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực của Trung ương, của tỉnh và toàn xã hội, trong đó, nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lý, điều hành của chính quyền. Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn lực con người nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng, hoàn thiện Chính quyền số gắn liền với cải cách hành chính, công vụ, đồng hành, đồng bộ với xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế số, xã hội số, doanh nghiệp số, công dân số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển kinh tế số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và năng suất lao động, thúc đẩy hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh mới có hiệu quả kinh tế cao, góp phần tích cực vào tăng trưởng GRDP hàng năm. Phát triển xã hội số để thay đổi mô hình quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, tạo ra các giá trị mới cho xã hội. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Bình cơ bản chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trên phạm vi toàn tỉnh theo các mục tiêu tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên 50%; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 95% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 70% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng. 100% cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ toàn tỉnh.

- 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Quảng Bình thuộc nhóm 30 tỉnh dẫn đầu về chính quyền điện tử, chính quyền số của toàn quốc.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, có lợi thế, như: Tài chính, ngân

hàng, viễn thông, công nghiệp năng lượng, thương mại, du lịch, dịch vụ,... đạt trên 25%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 6,5%.
- Tỉnh thuộc nhóm trung bình khá về chỉ số cạnh tranh, đổi mới sáng tạo của toàn quốc.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 75% hộ gia đình
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G đạt 100%, mạng di động 5G đạt 40% đến cấp xã.
- 60% cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.
- 60% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.
- Tối thiểu 01 đô thị trực thuộc tỉnh cơ bản đạt nền tảng về đô thị thông minh.
- Tỉnh thuộc nhóm khá về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

2.3. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về chính quyền số

- Giảm 30% các thủ tục hành chính, tăng 30% dịch vụ mới có tính sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 95% hồ sơ công việc cấp huyện, 80% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- Duy trì và từng bước nâng thứ hạng của Quảng Bình trên Bảng xếp hạng chỉ số Chính quyền số của tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

b) Về kinh tế số

- Kinh tế số chiếm 25% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, có lợi thế đạt trên 35%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.
- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận, thực hiện chuyển đổi số. Có tối thiểu 03 doanh nghiệp công nghệ số làm chủ công nghệ, cung cấp các sản phẩm, giải pháp phần mềm phục vụ chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng được đưa vào ứng dụng thực tế tại tỉnh và các địa phương khác trên cả nước.

c) Về xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 95% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G đạt 100% đến xã và điện thoại di động thông minh đạt 99% hộ gia đình.
- Trên 90% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử.
- 90% người dân trưởng thành có thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.
- 90% cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.
- 90% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.
- Hoàn thành việc chuyển đổi số cơ bản trong hệ thống các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp.
- Tối thiểu 02 đô thị trực thuộc tỉnh cơ bản đạt nền tảng về đô thị thông minh.
- Duy trì Quảng Bình thuộc nhóm khá về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức và kiến tạo thể chế

Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Trung ương về chuyển đổi số, nhất là Nghị quyết số 52-NQ/TW và Quyết định số 749/QĐ-TTg.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết của chuyển đổi số. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả, hiệu quả chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết này là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Trong đó, chủ động xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch chuyển đổi số theo hướng toàn diện, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế của địa phương gắn với khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa, con người Quảng Bình. Chú trọng nghiên cứu, ban hành các chính sách thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, trong khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.

1.2. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số

Tiếp tục phát triển hạ tầng kết nối băng rộng chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đô thị thông minh, chú trọng bảo đảm tại các khu công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế, nơi tập trung dân cư mật độ cao. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi toàn bộ mạng sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Phát triển hạ tầng kết nối IoT, tích hợp cảm biến vào ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ đô thị thông minh về giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước,...

Phát triển hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong cơ quan nhà nước hiện đại, đồng bộ. Nâng cấp tổng thể hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử, Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh đủ mạnh, đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu, năng lực phục vụ trong giai đoạn trung hạn. Mở rộng xây dựng mạng diện rộng trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với tốc độ cao giữa các cơ quan nhà nước. Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

Xây dựng, hoàn thiện các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp, nhất là lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số, như: Y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp, môi trường,... Thực hiện kết nối và tổ chức khai thác hiệu quả các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia về định danh và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, thông tin báo cáo, điều hành an toàn thông tin mạng, cơ sở dữ liệu dân cư, hộ tịch, đăng ký kinh doanh,... Xây dựng, triển khai nền tảng bản đồ số của tỉnh phục vụ phát triển, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dùng chung và dịch vụ đô thị thông minh trên nền thông tin địa lý (GIS).

Phát triển đồng bộ hạ tầng cơ sở dữ liệu, xây dựng các hệ thống, kho, hồ dữ liệu lớn, tin cậy, ổn định phục vụ hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp và người dân. Thúc đẩy mạnh mẽ việc số hóa, phát triển, làm giàu dữ liệu số, bảo đảm cung cấp dữ liệu cho công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ trực tuyến. Cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

Việc xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số, nhất là chuyển đổi số trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực chuyên ngành ưu tiên chuyển đổi số phải bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông với các cơ sở dữ liệu, nền tảng số của các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương để quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí và chồng chéo.

1.3. Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tạo lập niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phát triển Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) và hệ thống phòng chống phần mềm độc hại tập trung của tỉnh. Thực hiện đầy đủ, có chất lượng mô hình bảo đảm an toàn thông tin chuyên nghiệp “4 lớp” theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện, ngăn chặn, rà soát, xử lý bóc gỡ mã độc; chủ động ứng phó các mối đe dọa, tấn công mạng và ứng cứu sự cố, khôi phục hoạt động bình thường của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, huấn luyện, diễn tập nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng. Nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, đơn vị thường trực Đội ứng cứu cả về năng lực chuyên môn và hệ thống trang thiết bị chuyên dùng. Chủ động tham gia các hoạt động

của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tăng cường cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm xử lý sự cố an toàn mạng.

1.4. Hợp tác trong nước, quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

Thực hiện chính sách thu hút nhân tài, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trong nước và trên thế giới để nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo. Tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính quyền số với các tỉnh, thành phố đi đầu về chuyển đổi số. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn để nghiên cứu, phát triển, chuyên giao công nghệ mới, mô hình mới.

1.5. Phát triển nguồn nhân lực

Đẩy mạnh đào tạo, thu hút nhân tài và lực lượng chuyên nghiệp về công nghệ số đáp ứng được các yêu cầu phát triển của tỉnh. Trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ số, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người lao động để thích ứng với thay đổi của chuyển đổi số, nhất là cho công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp, khu du lịch để thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số. Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

2. Phát triển chính quyền số

2.1. Tập trung thực hiện, cụ thể hóa Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các chính sách, quy định, quy chế quản lý, vận hành, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính. Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện Kiến trúc chính quyền điện tử, chính quyền số, Khung tham chiếu công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đô thị, địa phương thông minh của tỉnh.

2.2. Tăng cường thử nghiệm, áp dụng các công nghệ và mô hình mới để từng bước đổi mới căn bản hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, tiến đến mô hình toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

2.3. Xây dựng, ứng dụng thống nhất nền tảng định danh và xác thực của tỉnh (cho cả công chức và công dân) bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tận dụng và kế thừa những hệ thống, nền tảng sẵn có để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi. Hoàn thiện nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân, doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích của chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

2.4. Tiếp tục tổ chức khai thác, ứng dụng có hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ. Khai thác, tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ số, dữ liệu số để nâng cao năng suất, chất lượng tham mưu, giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường ứng dụng hội nghị truyền hình, họp trực tuyến, trao đổi thông tin, báo cáo và làm việc trên môi trường mạng. Chú trọng thực hiện công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.5. Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp hoặc xem xét, đề xuất loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số. Tăng cường xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm thiết bị di động; dịch vụ đô thị thông minh. Huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo. Đẩy mạnh tích hợp các dịch vụ theo nhu cầu phục vụ, tận dụng các kênh xã hội để tương tác, gia tăng sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

2.6. Tổ chức ứng dụng sâu rộng các công nghệ hiện đại, như: Điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (BigData), chuỗi khối (Blockchain),... trong chính quyền số. Tỉnh có Cổng dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dữ liệu quốc gia. Dữ liệu được chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước (trừ dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và mở tối đa tạo động lực phát triển các dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển kinh tế số

3.1. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về chuyển đổi nền kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, về kinh tế số ICT, kinh tế số Internet, kinh tế số ngành. Phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số.

3.2. Phổ biến, tuyên truyền và đào tạo cho các tổ chức, doanh nghiệp về thương mại điện tử, kinh tế số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; hình thành hệ sinh thái gắn kết doanh nghiệp thương mại điện tử với các nhà sản xuất, nhà phân phối để quản lý chuỗi cung ứng. Thúc đẩy áp dụng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistics.

3.3. Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số. 100% sản phẩm OCOP được giới thiệu, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử trong nước; 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận, tham gia, thực hiện chuyển đổi số. Tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm giúp doanh nghiệp đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh theo phương thức mới.

3.4. Triển khai các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi phát triển mô hình và hoạt động kinh tế mới dựa trên nền tảng kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo. Tổ chức các chương trình, diễn đàn phổ biến kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

3.5. Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin - điện tử đã có thương hiệu chuyển chiến lược sản xuất, kinh doanh sang nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số và chủ động trong sản xuất sản phẩm công nghệ số.

4. Phát triển xã hội số

4.1. Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, không ai bị bỏ lại phía sau.

4.2. Xây dựng các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, bảo đảm dễ hiểu, dễ tiếp cận. Ban hành Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

4.3. Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân. Tăng cường cung cấp và nâng cao chất lượng các ứng dụng số, dịch vụ đô thị thông minh, ưu tiên các lĩnh vực y tế, giáo dục, an sinh xã hội, an ninh; thực hiện thử nghiệm trước tại các đô thị, sau đó phổ biến toàn tỉnh.

4.4. Tăng cường triển khai trên không gian mạng về các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, hình ảnh, văn hóa con người Quảng Bình; xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. 100% đoàn thể, hiệp hội các cấp tổ chức sinh hoạt phổ biến chuyển đổi số, văn hóa số, xã hội số hằng năm.

IV. MỘT SỐ LĨNH VỰC ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chuyển đổi số trong các cơ quan

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể các cấp, nhất là đối với cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước, góp phần đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả quản lý, điều hành, giải quyết công việc, đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức vận hành và tham gia thúc đẩy nền kinh tế số, xã hội số.

Tiếp tục nâng cấp hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, tạo điều kiện tốt hơn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khai thác, ứng dụng các phần mềm, tiện ích công nghệ phục vụ giải quyết công việc. Đồng thời, triển khai

tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số chủ yếu ứng dụng công nghệ điện toán đám mây.

Huy động nguồn lực xã hội hóa, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, lồng ghép kinh phí thực hiện các chương trình, dự án của Bộ, ngành chuyên ngành để xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng và thực hiện chuyển đổi số chuyên ngành, lĩnh vực tại địa phương. Tổ chức sử dụng chung, đồng bộ hoặc thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các nền tảng, hệ thống của các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, nhằm khai thác, sử dụng tối ưu, hiệu quả tài nguyên hạ tầng, công nghệ, dữ liệu, tránh đầu tư, triển khai chồng chéo, lãng phí.

Tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số mới, như: Dữ liệu lớn, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, mạng xã hội... trong xây dựng hệ thống phần mềm, dịch vụ chuyên ngành, lĩnh vực và nội bộ. Đẩy mạnh thực hiện số hóa thông tin, tài liệu kết hợp với khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm đã xây dựng, triển khai. Thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Quan tâm bố trí và phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin của ngành, địa phương, của cơ quan, đơn vị.

2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ của các cơ sở y tế để đáp ứng việc xây dựng, ứng dụng các hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh thông minh; hệ thống khám, chữa bệnh thông minh; hệ thống quản trị y tế thông minh; các giải pháp công nghệ phòng, chống dịch bệnh. Tổ chức ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, hình thành các bệnh viện thông minh.

Triển khai đầy đủ hệ thống bệnh án điện tử và hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân. Ứng dụng rộng rãi các nền tảng số hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa và cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh, chăm sóc sức khỏe để người dân tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm (theo chuỗi) và áp dụng các ứng dụng số phục vụ giám sát, đánh giá công khai, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm của người dân, du khách.

3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Tiếp tục phát triển, hoàn thiện hạ tầng số trong ngành giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số phục vụ đổi mới công tác quản lý, điều hành; công tác đo lường, định lượng, đánh giá chất lượng dạy và học. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường học và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục. Tăng cường ứng dụng hệ thống họp, hội thảo, tập huấn qua mạng. Số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng, ứng dụng hiệu quả nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Ứng dụng toàn diện công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập tại các trường học, cơ sở giáo dục. Tăng cường khai thác, sử dụng công nghệ số, nền tảng số phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học; hỗ trợ dạy và học từ xa; hỗ trợ giáo dục, đào tạo hướng cá thể hóa. Đến năm 2025, cơ bản các trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo có trang thông tin điện tử cung cấp thông tin về cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ giáo viên, giảng viên; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, quản trị nhà trường (từ quản lý học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu...); phổ biến việc thanh toán học phí, lệ phí trực tuyến, không dùng tiền mặt.

4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch

Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về sự cần thiết, xu hướng tất yếu của chuyển đổi số trong ngành văn hóa, ngành du lịch. Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng số, ứng dụng công nghệ số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành lĩnh vực văn hóa, du lịch, phát triển thư viện số, quản trị di sản thiên nhiên - văn hóa - lịch sử bền vững, kiểm soát các sự kiện văn hóa, giải trí và du lịch. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ văn hóa, du lịch về công nghệ thông tin, công nghệ số.

Chú trọng hợp tác trong nước và quốc tế để tận dụng tri thức, nguồn lực phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh (cơ sở lưu trú, vận chuyển hành khách, ăn uống, mua sắm, thanh toán không tiền mặt,...). Hoàn thiện, nâng cấp Cổng thông tin du lịch tỉnh Quảng Bình. Phát triển, cung cấp ứng dụng du lịch trên nền tảng di động với tất cả thông tin, dịch vụ trong một. Phát triển các ứng dụng số mới hướng đến cung cấp dịch vụ du lịch thông minh, quảng bá, phát triển điểm đến du lịch thông minh (3D/VR/AR, thuyết minh du lịch, bản đồ số, Chatbot,...). Số hóa thông tin và triển khai giải pháp du lịch số qua hình ảnh đối với hệ thống bảo tàng, các di sản văn hóa, di tích lịch sử quan trọng, mang đến trải nghiệm tốt hơn cho du khách, đồng thời, cung cấp những thông tin chính thống về văn hóa, lịch sử, con người Quảng Bình.

Tiếp tục phát triển, hoàn thiện hạ tầng, tiện ích số phục vụ khách du lịch. Cung cấp dịch vụ Internet không dây tốc độ cao miễn phí tại các điểm công cộng. Làm mới, làm giàu nội dung thông tin và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo và công nghệ mới khác để hỗ trợ, cung cấp dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn của các điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch. Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code,...) trong hoạt động du lịch, dịch vụ. Từng bước phát triển, hoàn thiện hệ thống giám sát an ninh, an toàn thông minh từ xa, trung tâm thông tin và điều hành du lịch tại tất cả các điểm đến du lịch, bảo đảm hướng dẫn, hỗ trợ khách du lịch 24/7 và hỗ trợ cứu hộ tại các điểm du lịch.

5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Xây dựng, thực hiện mô hình chuyển đổi số nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông

minh, nông nghiệp chính xác, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

Xây dựng các hệ thống công nghệ số phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạch định các chính sách, điều hành phát triển nông nghiệp, như: Dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch,... Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu lớn về quản lý đất nông nghiệp, quản lý và bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ, chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện của địa phương. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp với các thông tin về môi trường, thời tiết phục vụ nông nghiệp; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất nông nghiệp về kỹ năng tham gia trên môi trường số; hướng dẫn, hỗ trợ mở tài khoản thanh toán trực tuyến, giới thiệu, tiêu thụ nông sản, nhất là các sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử.

6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông, vận tải và logistics

Thực hiện chuyển đổi số toàn diện các hoạt động quản lý, điều hành giao thông, vận tải. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật giao thông; quản lý phương tiện kinh doanh vận tải; quản lý đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép điều khiển phương tiện... Hình thành, phát triển kho dữ liệu lớn phục vụ quản lý, khai thác, quy hoạch, dự báo; số hóa thông tin về hạ tầng giao thông trên bản đồ số phục vụ quản lý chuyên ngành và chia sẻ cho các cơ quan liên quan.

Triển khai các hệ thống thông minh hỗ trợ người dân, du khách tìm kiếm, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, cũng như lựa chọn các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường. Xây dựng, hoàn thiện Cổng thông tin giao thông trực tuyến; ứng dụng hiệu quả các nền tảng giám sát, điều hành giao thông thông minh; nhận diện, kiểm soát phương tiện tự động; quản lý thu phí, thanh toán điện tử trong giao thông...

Chuyển đổi số hạ tầng logistics, như: Cảng biển, cảng thủy nội địa, đường sắt, kho vận,... Hình thành các trung tâm kho bãi, chia chọn tự động dựa trên công nghệ số phục vụ logistics. Phát triển hệ thống hậu cần điện tử (e-logistics) kết nối chuỗi giá trị nông sản, đặc sản của tỉnh. Chuyển đổi các mô hình kinh doanh vận tải truyền thống sang phương thức mới dựa trên công nghệ số. Ứng dụng các nền tảng số hỗ trợ kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng, thúc đẩy kinh tế chia sẻ, giao dịch không dùng tiền mặt.

7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Xây dựng, phát triển, vận hành các nền tảng, hệ thống thông tin chuyên ngành toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Sử dụng công nghệ thông minh để phân tích, xử lý, trình bày thông tin, dữ liệu trên các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều

hành, chuyên môn nghiệp vụ của địa phương. Bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Tiếp tục phát triển hạ tầng dữ liệu nhằm xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường trên cơ sở kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, dịch vụ chia sẻ dữ liệu thống nhất, bảo đảm nền tảng về dữ liệu là hạ tầng quan trọng, cốt yếu cho chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường. Tích hợp, kết nối hệ thống dữ liệu tài nguyên và môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh. Chú trọng xây dựng, kết nối Hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh; vận hành hệ thống quan trắc tự động liên tục nhằm tăng cường năng lực cảnh báo và xử lý ô nhiễm môi trường; xây dựng bản đồ số và ứng dụng thông minh quản lý, giám sát cơ sở xả thải, nguồn xả thải, hệ thống thu gom, thoát nước và quản lý rác thải... giúp kết nối thông tin nhanh chóng.

8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng

Quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng là hướng đến tối đa hóa và tự động hóa, thông minh hóa các mạng lưới cung ứng năng lượng, sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Chú trọng xây dựng, phát triển lưới điện thông minh, tòa nhà thông minh, hệ thống năng lượng phân tán; ưu tiên cân bằng và phát triển nguồn, lưới điện để phát triển các nguồn năng lượng tái tạo sẵn có theo lộ trình hợp lý, phù hợp với điều kiện, đặc điểm và tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

9. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng

Ứng dụng công nghệ số toàn diện trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc; thiết lập, phát triển nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong các ngân hàng, tổ chức thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, tự động hóa quy trình và mô hình kinh doanh mới, như ngân hàng mở. Đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào các công nghệ, như: Thanh toán di động, cho vay ngang hàng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai có hiệu quả Nghị quyết này. Đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo xây dựng các cơ chế, chính sách để tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định lộ trình, dự án, đề án, bố trí ngân sách và phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, địa phương liên quan thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết này; đề xuất biểu dương kịp thời các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt, nhân rộng các mô hình tiêu biểu.

5. Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.

6. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò xung kích, đi đầu của lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tham gia, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

7. Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đoàn viên, người lao động trong tham gia chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết này tại địa phương, cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách.

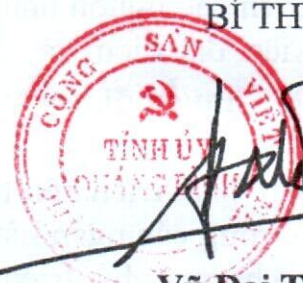
Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các ban Tỉnh ủy theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các ban và VPTW Đảng,
- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Vụ ĐP I, Vụ Tổng hợp, VPTW,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận,
- tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

(để b/cáo)

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Vũ Đại Thắng